

NHỮNG HẠN CHẾ TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ KHÁI NIỆM HÌNH PHẠT, MỤC ĐÍCH CỦA HÌNH PHẠT VÀ HƯỚNG KHẮC PHỤC

TS. HỒ SỸ SON *

Việc Nhà nước quy định hành vi này hay hành vi khác là tội phạm mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để có thể tiến hành đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm một cách có hiệu quả. Cùng với việc quy định hành vi này hay hành vi khác là tội phạm, Nhà nước quy định các biện pháp tác động đặc trưng của luật hình sự, trong đó hình phạt là hình thức cơ bản và phổ biến nhất, bởi “không phải là một cái gì khác ngoài phương tiện tự vệ của xã hội chống lại sự vi phạm các điều kiện tồn tại của nó” (C. Mác), hình phạt luôn hàm chứa yếu tố trừng trị. Mặt khác, nhìn từ góc độ phòng ngừa tội phạm, hình phạt phải hàm chứa cả yếu tố cải tạo, giáo dục người phạm tội. Rõ ràng, hình phạt là hiện tượng xã hội phức tạp có nội hàm phong phú và dưới vỏ bọc ngôn ngữ có thể dẫn đến các cách hiểu khác nhau. Phải chăng bởi tính phức tạp, đa dạng, nhiều mặt của hình phạt và bởi “về mặt thuật ngữ không thể định nghĩa hình phạt vì trong mọi ngữ cảnh bất kỳ một định nghĩa nào cũng gắn với sự phê bình”⁽¹⁾ mà luật hình sự của đa số các quốc gia trên thế giới không ghi nhận khái niệm hình phạt, trong khi vẫn quy định các loại hình phạt với những chế tài cụ thể khác nhau.⁽²⁾ Ở nước ta, trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999, khái niệm hình phạt cũng được hiểu theo nhiều cách khác nhau bởi trong luật hình sự

nước ta lúc đó, khái niệm hình phạt không được ghi nhận về mặt pháp lí. Để khắc phục tình trạng đó, Điều 26 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền và lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự do toà án quyết định*”. Mặc dù khái niệm hình phạt đã được ghi nhận về mặt pháp lí nhưng cho đến nay, các nhà luật học nước ta vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau xoay quanh khái niệm này. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng: “*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được áp dụng trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của toà án để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự*”.⁽³⁾ Theo quan điểm khác thì “*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất được Bộ luật hình sự quy định do toà án nhân danh Nhà nước áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và thể hiện ở việc tước đoạt hoặc hạn chế quyền và lợi ích do pháp luật quy định đối với người bị kết án*”.⁽⁴⁾ Từ các cách tiếp cận hình phạt trên đây có thể thấy vấn đề hình phạt vẫn là vấn đề cần được

* Viện nhà nước và pháp luật
Viện Khoa học xã hội Việt Nam

bàn luận trên nhiều phương diện: Từ nhận thức cho đến cách thể hiện trong luật cũng như trong các biện pháp thực hiện. Điều đó xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đòi hỏi phải có sự nhận thức thống nhất và có cơ sở khoa học về khái niệm hình phạt làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật hình sự. Để thực hiện được điều đó, trước hết phải làm sáng tỏ nội hàm của khái niệm hình phạt.

Nghiên cứu các cách quy định khái niệm hình phạt của một số nước trên thế giới chúng ta thấy một số nước lấy trình tự quy định và áp dụng để định nghĩa khái niệm hình phạt, một số nước khác lại lấy bản chất, nội dung là chính để định nghĩa hình phạt, còn thủ tục áp dụng cũng được nêu trong định nghĩa đó nhưng là yếu tố phụ. Ở nước ta, việc nhà làm luật đã kết hợp cả hai yếu tố: Bản chất, nội dung và thủ tục áp dụng để xây dựng khái niệm hình phạt là hợp lí. Tuy nhiên, điều đáng nói là ở chỗ trong khái niệm hình phạt được ghi nhận tại Điều 26 Bộ luật hình sự hiện hành nhà làm luật nước ta đã có sự nhầm lẫn đáng tiếc, thậm chí còn đồng nhất nội dung và mục đích của hình phạt đã được ghi nhận tại một điều luật khác của Bộ luật hình sự. Chẳng hạn, “cưỡng chế” quy định trong điều luật nói trên không phải là nội dung mà chính là cách thức thực hiện hình phạt. Trong quy định này, nhà làm luật đã có sự nhầm lẫn. Phải chăng để khắc phục điều đó nhà làm luật quy định tiếp: “*nhằm tước bỏ hoặc hạn chế...*”. Trong quy định này, nhà làm luật lại có sự nhầm lẫn giữa nội dung và mục đích của hình phạt, bởi “nhằm” ở đây là mục đích chứ không phải nội dung. Cần lưu ý rằng cưỡng chế có mặt khắp mọi nơi (như hành

chính, dân sự, kinh tế,...). Tính chất cưỡng chế không phải là đặc trưng riêng của hình phạt. Hơn nữa, hình phạt không phải bao giờ cũng dùng đến cưỡng chế để thực hiện. Khi nói đến cưỡng chế của hình phạt là nói đến khả năng bảo đảm thực hiện hình phạt khi không có biện pháp khác để bảo đảm. Mặt khác, cưỡng chế có thể nghiêm khắc ở mức độ cao, thấp chứ không phải là nghiêm khắc nhất. Cưỡng chế trong hình phạt có mức độ nghiêm khắc cao bởi lẽ: *Thứ nhất*, hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự - văn bản quy phạm pháp luật có giá trị cao sau Hiến pháp; *Thứ hai*, mọi toà án đều nhân danh nước Cộng hoà XHCN Việt Nam áp dụng nên mọi cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan đều phải thi hành; *Thứ ba*, hình phạt được bảo đảm dưới bất kì biện pháp nào (chẳng hạn, buộc người bị kết án phạt tù đi chấp hành hình phạt tại trại giam...). Vì vậy, tính cưỡng chế như Bộ luật hình sự đã đặt ra trong khái niệm hình phạt theo chúng tôi chưa thể hiện được bản chất của hình phạt. Thiết nghĩ, để khái niệm hình phạt thể hiện đầy đủ nội hàm của hình phạt, cần nghiên cứu và quy định khái niệm này theo hướng khẳng định hình phạt là hình thức cơ bản và phổ biến nhất của TNHS, biện pháp cưỡng chế có mức độ nghiêm khắc cao nhất bởi nội dung trừng trị và cải tạo giáo dục người phạm tội. Với nội dung như vậy, chắc chắn khái niệm hình phạt có sự tác động lớn hơn đối với việc cân nhắc, kết hợp hai nội dung trừng trị và cải tạo giáo dục của nó khi quy định các loại và mức hình phạt cũng như khi áp dụng chúng để xử lí tội phạm và người phạm tội. Và điều đó, chắc chắn đáp ứng nhiều hơn các đòi hỏi của các nguyên tắc của

luật hình sự, trong đó có nguyên tắc nhân đạo.

Nói đến các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt, sẽ là thiếu sót lớn nếu không nói đến quy định về mục đích của hình phạt. Trong Bộ luật hình sự năm 1999, mục đích của hình phạt được quy định tại Điều 27, theo đó: *“Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”*. Cần lưu ý rằng so với mục đích của hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985, mục đích của hình phạt được ghi nhận tại điều luật trên đây của Bộ luật hình sự hiện hành không có gì mới. Do vậy, có thể khẳng định rằng nhà làm luật nước ta khi xây dựng Bộ luật hình sự năm 1999 đã không cân nhắc đến những kiến nghị có cơ sở lí luận và thực tiễn được nêu ra trong khoa học pháp lí nói chung và trong khoa học luật hình sự nói riêng đối với việc hoàn thiện quy định về mục đích của hình phạt. Vậy, mục đích của hình phạt là gì? Phân tích nội dung của quy định tại Điều 27 có thể thấy rằng một trong những mục đích của hình phạt đã được điều luật này thể hiện chính xác là phòng ngừa tội phạm. Dĩ nhiên, ngoài mục đích này, hình phạt còn có những mục đích khác nhưng chắc chắn không phải là trừng trị. Trong khi đó, cách thể hiện mục đích của hình phạt tại Điều 27 Bộ luật hình sự năm 1999 cho thấy hình phạt còn có mục đích trừng trị người phạm tội. Chính nội dung của quy định trên đây về mục đích của hình phạt làm nảy sinh

nhu cầu phải làm sáng tỏ vấn đề mà cho đến nay chưa được giải quyết một cách thoả đáng về mặt lí luận cũng như thực tiễn xây dựng luật hình sự và vì vậy gây ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện các đòi hỏi của các nguyên tắc của luật hình sự, trong đó có nguyên tắc nhân đạo, đó là trừng trị và giáo dục cải tạo người phạm tội có phải là mục đích của hình phạt hay không? Trong khoa học luật hình sự từ trước đến nay cũng đã có rất nhiều tranh luận xoay quanh vấn đề trừng trị có phải là mục đích của hình phạt hay không? Số đông các nhà luật học quan niệm mục đích của hình phạt là cải tạo giáo dục người phạm tội để họ trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa họ phạm tội mới và hướng vào việc giáo dục, phòng ngừa chung. Cũng không ít các nhà luật học cho rằng trừng trị là mục đích của hình phạt bởi vì để bảo vệ lợi ích của xã hội, Nhà nước và công dân, bảo vệ sự công bằng xã hội thì người phạm tội phải bị trừng trị. Một số nhà luật học khác lại cho rằng trừng trị là mục đích cao nhất của hình phạt, phòng ngừa tội phạm là mục đích trung gian và loại tội phạm ra khỏi đời sống xã hội là mục đích cuối cùng của hình phạt.⁽⁵⁾ Những quan điểm trên đây cho thấy vấn đề mục đích của hình phạt là vấn đề hết sức phức tạp. Sự khác nhau trong các quan điểm về mục đích của hình phạt có lẽ một phần xuất phát từ những quy định của pháp luật thực định. Bởi vậy, việc nhận thức và quy định đúng đắn về mục đích của hình phạt có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc quy định các loại hình phạt, hệ thống hình phạt, các chế tài cụ thể trong các điều luật của

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Bộ luật hình sự. Đồng thời, việc nhận thức một cách đúng đắn về mục đích của hình phạt có ý nghĩa đối với việc hoàn thiện pháp luật hình sự, cụ thể là hoàn thiện quy định về mục đích của hình phạt. Trước hết, bởi bản chất của xã hội ta là nhân đạo nên việc quy định và áp dụng hình phạt không nhằm mục đích trừng trị; trừng trị chính là phương thức cải tạo giáo dục người phạm tội. Nếu Nhà nước muốn đặt ra mục đích của hình phạt là trừng trị thì hình phạt trở nên vô nghĩa. Hơn nữa, hình phạt cũng không phải được đặt ra để trả thù. Vậy mục đích của hình phạt là gì? Mục đích, theo cách hiểu chung nhất là cái mà con người hướng tới khi tiến hành loại hình công việc nào đó. Vì vậy mục đích của hình phạt là cái mà Nhà nước hướng tới khi quy định và áp dụng hình phạt. Cần lưu ý rằng quan niệm về hình phạt bao giờ cũng gắn liền với quan niệm về tội phạm. Tội phạm càng nghiêm trọng, càng nguy hiểm thì hình phạt càng phải nghiêm khắc, tức tội càng nặng thì mức độ trừng trị càng nặng. Mặt khác, đã phạm tội thì người phạm tội không thể thoát khỏi trách nhiệm hình sự hay nói cách khác người phạm tội phải bị trừng trị. Rõ ràng, việc quy định và áp dụng hình phạt trước hết là để đảm bảo công lí, công bằng xã hội còn việc giáo dục cải tạo được người phạm tội hay không đó là vấn đề tiếp theo. Vì công lí, công bằng xã hội mà người phạm tội phải bị đưa ra xét xử và bị áp dụng hình phạt. Cũng vì công lí và công bằng xã hội mà những người phạm tội vô ý gây hậu quả nghiêm trọng cũng phải bị trừng trị. Song việc quy định và áp dụng hình phạt không chỉ nhằm bảo đảm công lí, công bằng xã hội mà còn nhằm phòng ngừa tội phạm:

Phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Ở đây thực hiện phòng ngừa riêng là để giải quyết vấn đề phòng ngừa chung. Bởi vậy, phòng ngừa riêng phải được đặt lên trên phòng ngừa chung. Điều này có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng ở chỗ cho phép xác định được giới hạn của hình phạt và xác định nội dung của hình phạt. Như vậy, hình phạt có hai mục đích: duy trì, đảm bảo công lí, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm; trong đó phòng ngừa tội phạm là mục đích cao hơn của hình phạt. Những mục đích trên có thể được thực hiện thông qua nội dung trừng trị và cải tạo giáo dục với tính cách là hai phương thức thực hiện mục đích của hình phạt. Như chúng ta đã biết, điều kiện hoàn cảnh xã hội có thể thay đổi, tội phạm cũng có thể thay đổi, mục đích bảo đảm công lí, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm của hình phạt là không bao giờ thay đổi. Do vậy, với tính cách là phương thức để bảo vệ xã hội khỏi những vi phạm các điều kiện tồn tại của nó, hình phạt được sử dụng để đảm bảo công lí, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm.

(Xem tiếp trang 72)

(1).Xem: Dressle. J. Understanding criminal Law. Matthew Bender- N. Y. 1994 .P.3-4.

(2).Xem: Hồ Sỹ Sơn, “*Khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt nhìn từ hệ thống pháp luật Anh-Mĩ*”; Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 2/2007, tr. 74-80.

(3).Xem: PGS.TSKH. Lê Văn Cẩm, *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Sách chuyên khảo sau đại học, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2005, tr. 677.

(4).Xem: PGS.TS. Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 352.

(5).Xem: *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 88.